

CREATION OF JOBS FOR YOUTH WORKERS IN YEN PHONG DISTRICT, BAC NINH PROVINCE UNDER IMPACTS OF INDUSTRIAL PROCESS

Nguyen Thi Linh

TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 25/10/2022 Revised: 19/12/2022 Published: 19/12/2022 KEYWORDS Employment Job creation The reality of job creation for youth worker Jobs in Yen Phong district Youth workers	In recent years, Yen Phong district, Bac Ninh province has implemented many policies to attract foreign investment to build industrial zones and clusters in the area, thereby, promoting the process of economic restructuring. economy in a positive direction, per capita income increased rapidly. Although there are many new jobs created, the unemployment and underemployment rates among young workers tend to increase. So what is the reason for this situation? To find the answer, on the basis of using a number of research methods such as questionnaire survey, in-depth interview method to analyze the current situation of job creation for young workers in Yen Phong district. Research results shows that, in addition to the results achieved, creating jobs for young workers in Yen Phong district before the impact of the industrialization process, there are still some issues that need to be solved such as the situation of labor recruitment. in the foreign-invested industrial parks in Yen Phong, there is still imbalance (mainly focusing on recruiting female workers); vocational training has many shortcomings; There is no specific job creation policy for local workers. Stemming from that limitation, the article proposes solutions to improve the efficiency of job creation activities for young workers in Yen Phong district in the coming time.

TẠO VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG THANH NIÊN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ

Nguyễn Thị Linh

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 25/10/2022 Ngày hoàn thiện: 19/12/2022 Ngày đăng: 19/12/2022 TỪ KHÓA Việc làm Tạo việc làm Thực trạng tạo việc làm cho lao động thanh niên Việc làm huyện Yên Phong Lao động thanh niên	Trong những năm gần đây, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện nhiều chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, qua đó, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. Mặc dù có nhiều vị trí việc làm mới được tạo ra song tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong lao động thanh niên có xu hướng gia tăng. Vậy lý do của tình trạng này là gì? Để đi tìm câu trả lời trên, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu để phân tích thực trạng tạo việc làm cho lao động thanh niên huyện Yên Phong. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được còn tồn tại một số vấn đề cần giải quyết như: tình trạng tuyển dụng lao động trong các khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Yên Phong còn mất cân đối (chủ yếu tập trung tuyển dụng lao động nữ); công tác đào tạo nghề còn nhiều bất cập; chưa có chính sách tạo việc làm đặc thù với lao động của địa phương; số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp đại học, bộ đội xuất ngũ hàng năm tương đối lớn; tình trạng người lao động vi phạm kỉ luật lao động còn diễn ra phổ biến. Xuất phát từ hạn chế đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tạo việc làm cho lao động thanh niên huyện Yên Phong trong thời gian tới.

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6771>

Email: linhnt@tnus.edu.vn

1. Giới thiệu

Yên Phong là một huyện đồng bằng nằm ở phía Tây tỉnh Bắc Ninh, tiếp giáp với thành phố Bắc Ninh. Trong những năm qua, nhờ tác động của quá trình công nghiệp hoá, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Phong đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn đang đặt ra những bài toán việc làm mà chính quyền huyện Yên Phong cần giải quyết. Theo báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội huyện Yên Phong, trong giai đoạn 2017 – 2021, toàn huyện Yên Phong đã chuyển đổi 2.159,82 ha (chiếm 75% diện tích đất nông nghiệp) để xây dựng khu công nghiệp [1]. Trong khi đó, không ít doanh nghiệp trên địa bàn huyện chỉ tuyển dụng lao động nữ, không tuyển dụng lao động nam. Thêm vào đó, mỗi năm, huyện Yên Phong có hơn 1000 học sinh tốt nghiệp bậc trung học phổ thông, sinh viên tốt nghiệp hệ cao đẳng, đại học, bộ đội xuất ngũ cần tìm kiếm việc làm. Điều đó làm gia tăng tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm đối với lực lượng lao động thanh niên (LĐTN) tại địa phương này. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị của huyện Yên Phong là 2,08%, khu vực nông thôn là 1,85%; tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn của huyện cao hơn trung bình cả nước (3,1% so với cả nước là 2,8%) [2]. Trong đó, LĐTN chiếm tỷ lệ trên 85%.

LĐTN là lực lượng lao động đóng vai trò nòng cốt của xã hội với sức trẻ và sự năng động. Do đó, tạo việc làm cho LĐTN là rất cần thiết nhằm phát huy tối đa sức mạnh nguồn nhân lực xã hội trước tác động của quá trình công nghiệp hoá. Theo quy định tại Điều 3, Luật Thanh niên (2020), “thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi” [3]. Theo các tác giả Trần Xuân Cầu và Mai Quốc Chánh, “Tạo việc làm được hiểu là việc tạo ra những chỗ làm việc mới và sắp xếp người lao động có phẩm chất và năng lực phù hợp để thực hiện những công việc đó, đồng thời phù hợp với mục tiêu và yêu cầu phát triển của đất nước” [4]. Như vậy, có thể hiểu, tạo việc làm cho LĐTN là việc tạo môi trường hình thành các chỗ làm việc và sắp xếp cho LĐTN các việc làm phù hợp, đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động (NLĐ).

Thực hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về tạo việc làm cho NLĐ, trong những năm vừa qua, chính quyền huyện Yên Phong đã thực hiện nhiều biện pháp tạo việc làm cho LĐTN như chính sách đào tạo nghề; khôi phục và phát triển làng nghề, xây dựng cụm công nghiệp; xuất khẩu lao động... Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động tạo việc làm cho LĐTN ở huyện Yên Phong đang gặp phải một số bất cập trong quá trình thực hiện như: còn xảy ra tình trạng mất cân bằng giới tính trong tuyển dụng lao động; các doanh nghiệp chưa có biện pháp hỗ trợ đặc thù đối với LĐTN, NLĐ bị thu hồi đất có tâm lý ngại học nghề, chưa chủ động chuyển đổi nghề nghiệp; tình trạng NLĐ bỏ việc, nhảy việc và vi phạm kỉ luật lao động còn diễn ra tương đối phổ biến.

Vấn đề tạo việc làm cho NLĐ nói chung và LĐTN nói riêng đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học. Theo Nguyễn Quốc Dũng [5], biện pháp cơ bản để giải quyết việc làm cho NLĐ khu vực nông thôn trước tác động của quá trình công nghiệp hoá đó là tạo việc làm tại chỗ cho NLĐ thông qua những phương pháp khác nhau. Tác giả Lê Phương Hoà [6] cho rằng, dịch chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ là một quá trình tất yếu trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá – hiện đại hoá và để phù hợp với xu thế đó, Việt Nam cần thực hiện việc xây dựng các khu công nghiệp, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Cũng bàn về hoạt động tạo việc làm cho lao động nông thôn, nhóm tác giả Đinh Trung Thành, Hoàng Việt Dũng [7] khẳng định, một trong những tiêu chí hàng đầu thực hiện việc giảm nghèo bền vững của Việt Nam là đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Bàn về vấn đề tạo việc làm cho người dân tộc thiểu số, Mai Ngọc Cường [8] cho rằng, đào tạo nghề là một trong những chính sách quan trọng nhằm tạo việc làm cho nhóm lao động đặc thù này. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề, cần phải đổi mới nội dung, phương thức trong đào tạo, gắn đào tạo nghề với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bàn về vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tại các khu đô thị lớn sau đại dịch Covid 19, Phạm Việt Dũng [9] cho rằng, cần thiết phải đẩy mạnh đào tạo nghề và tạo việc làm tại chỗ cho lao động

nông thôn, để người nông dân ly nông nhưng không ly hương. Theo Nguyễn Việt Quân [10], trong quá trình công nghiệp hóa, một diện tích đáng kể đất nông nghiệp đã và sẽ được chuyển thành đất xây dựng nhà ở, khu công nghiệp; từ đó, sẽ thúc đẩy gia tăng số lượng những người lao động phi nông nghiệp. Vì vậy, đào tạo nghề cho nhóm đối tượng này là một vấn đề cấp thiết.

Như vậy, cho tới nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề tạo việc làm cho NLĐ. Tuy vậy, các công trình này có phạm vi nghiên cứu ở tầm vĩ mô nên việc phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp còn chung chung, khó áp dụng đối với từng địa phương cụ thể. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả sẽ tập trung vào việc phân tích thực trạng chính sách tạo việc làm cho LĐTN huyện Yên Phong thông qua các hình thức tạo việc làm trước tác động của quá trình công nghiệp hoá tại địa bàn này, từ đó, đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tạo việc làm cho LĐTN ở địa phương trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Như trên đã đề cập, để phân tích tình hình tạo việc làm cho LĐTN huyện Yên Phong trong giai đoạn 2017 – 2021, bài viết lựa chọn hướng nghiên cứu là phân tích thực trạng tạo việc làm cho LĐTN thông qua các chính sách tạo việc làm (*phát triển khu công nghiệp, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động*); các chủ thể tạo việc làm bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty/ doanh nghiệp/ cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh; đối tượng được tạo việc làm là nhóm lao động trong độ tuổi từ 16 – 30 trên địa bàn huyện Yên Phong.

Để đạt được mục đích nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp thông tin. Số liệu thứ cấp được thu thập thông qua các báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; các kế hoạch thực hiện, báo cáo tổng kết và phương hướng giải quyết việc làm cho NLĐ huyện Yên Phong hàng năm. Số liệu sơ cấp được thực hiện thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Số mẫu thu được theo phương pháp cụm phân tầng trên địa bàn 5 xã/thị trấn thực hiện tốt chính sách tạo việc làm cho LĐTN (*Đông Tiến, Hòa Tiến, Long Châu, Thụy Hòa, Trung Nghĩa*) là 42 phiếu hợp lệ. Số mẫu này đảm bảo dung lượng phản ánh tình hình tạo việc làm cho LĐTN trên địa bàn huyện Yên Phong, trong đó có 25 người làm việc trong các khu công nghiệp; 8 người đi xuất khẩu lao động (XKLĐ); 9 người có việc làm thông qua đào tạo nghề. Phương pháp điều tra được thực hiện trực tiếp kết hợp với thông qua điện thoại, email. Các thông tin thu thập được trong quá trình điều tra đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy.

Ngoài việc sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, bài viết còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với 05 cán bộ thuộc Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Trung tâm dạy nghề huyện Yên Phong và 10 LĐTN đã có việc làm thông qua chính sách tạo việc làm của huyện Yên Phong.

Từ những thông tin thu thập được, tác giả tiến hành phân tích, đánh giá kết quả đào tạo việc làm thông qua các chính sách tạo việc làm cho LĐTN huyện Yên Phong từ năm 2017 đến năm 2021, từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tạo việc làm cho LĐTN của địa phương nói riêng và LĐTN cho các địa bàn có điều kiện tương tự trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh nói chung.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả tạo việc làm cho lao động thanh niên huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

3.1.1. Tạo việc làm thông qua phát triển khu công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong

Xây dựng các khu công nghiệp (KCN) không chỉ đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn ở huyện Yên Phong mà còn tạo thêm hàng ngàn vị trí việc làm mới cho NLĐ ở các địa phương lân cận nói chung và LĐTN huyện Yên Phong nói riêng. Hiện nay, huyện Yên Phong có 3 KCN với hơn 100 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang hoạt động. Theo thống kê từ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Yên Phong, từ năm 2017 đến năm 2021, quy mô LĐTN của huyện làm việc trong KCN tăng từ 1487 vị trí việc làm mới (2017) lên 2100 vị trí (2021). Làm việc trong KCN giúp hàng ngàn công nhân có thu nhập ổn định, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống [11].

Tuy vậy, xét về giới, lực lượng lao động là nữ giới vào làm việc trong các KCN lớn hơn nam giới và có xu hướng ngày càng tăng. Theo Báo cáo kết quả tình hình lao động và giải quyết việc làm của Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, nếu như năm 2017, tỷ lệ lao động nữ vào làm việc trong doanh nghiệp là 59,3% thì đến năm 2020 chiếm tỷ lệ 68,5%. Nguyên nhân của tình trạng này là do đặc điểm và tính chất công việc trong các nhà máy chủ yếu là sản xuất mặt hàng may mặc và điện tử, chi tiết nhỏ, yêu cầu sự cẩn thận và tỷ mỉ của nữ giới.

Tuy có việc làm và mức lương ổn định nhưng LĐTN làm việc trong KCN hầu như không có nhiều thời gian dành cho con cái, hoạt động trồng trọt và chăn nuôi cũng bị bỏ dở. Kết quả điều tra bằng bảng hỏi cho thấy, trong tổng số 42 lao động, có 19/25 lao động đang làm việc trong khu công nghiệp (chiếm tỷ lệ 76%) cho biết không còn tiếp tục trồng trọt và chăn nuôi do không có thời gian. Theo báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Phong, mỗi năm, huyện Yên Phong có khoảng 50% diện tích đất canh tác nông nghiệp bị bỏ hoang, đe dọa vấn đề an ninh lương thực và lãng phí nguồn lực trong khi còn một bộ phận người dân thiếu việc làm do mất đất canh tác.

3.1.2. Đào tạo nghề tạo việc làm cho lao động thanh niên

Đào tạo nghề (ĐTNN) không trực tiếp tạo việc làm cho LĐTN nhưng là hoạt động gián tiếp giúp LĐTN chuyển đổi nghề nghiệp trước tác động của quá trình công nghiệp hoá ở huyện Yên Phong hiện nay. Trên cơ sở kế hoạch dạy nghề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong giao cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với ủy ban nhân dân các xã/thị trấn và Trung tâm dạy nghề huyện Yên Phong, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Yên Phong tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho LĐTN tại hai trung tâm này và một số trung tâm đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh như Trung tâm dạy nghề thành phố Bắc Ninh, Trung tâm đào tạo nghề tốc Quang Trung... Từ năm 2017 tới nay, huyện Yên Phong đã có hàng trăm lượt LĐTN tham gia các lớp đào tạo nghề nông nghiệp (NN) và nghề phi nông nghiệp (PNN) [12].

Bảng 1. Quy mô đào tạo nghề cho LĐTN huyện Yên Phong 2017 - 2021

Năm	Số lớp được mở	Số học viên (Người)	Có việc làm sau đào tạo	
			(Người)	(%)
2017	NN	16	533	320
	PNN	31	1068	796
2018	NN	15	516	355
	PNN	26	907	678
2019	NN	27	931	663
	PNN	39	1323	1015
2020	NN	25	874	650
	PNN	25	849	680
2021	NN	18	540	424
	PNN	28	840	694

(Nguồn: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Yên Phong)

Bảng 1 cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2017 – 2021, trên địa bàn huyện Yên Phong đã diễn ra 121 lớp dạy nghề nông nghiệp với 3394 lượt học viên tham gia đào tạo, 139 lớp dạy nghề phi nông nghiệp với 4987 lượt người tham gia đào tạo. Trong đó, năm 2019 có tổng số lớp dạy nghề cao nhất, 66 lớp với 2254 lượt học viên tham gia. Nhóm nghề phi nông nghiệp khá đa dạng, bao gồm: nghề mây tre đan, sửa chữa xe máy, chế biến món ăn, cắt tóc gội đầu. Nghề đào tạo nông nghiệp phổ biến như: trồng nấm rơm, sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, trồng cây cảnh. Đối tượng tham gia học nghề rất đa dạng (*người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, người bị thu hồi đất và các đối tượng khác*). Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo ở các ngành nghề phi nông nghiệp cao hơn so với các ngành nghề đào tạo nông nghiệp. Tuy vậy, tỷ lệ có việc làm sau đào tạo ở cả hai nhóm nghề này đều có xu hướng tăng dần qua các năm, đây là một tín hiệu đáng mừng. Cụ thể, ở ngành nghề nông nghiệp tăng từ 60,1% (2017 lên 78,5% (2021); nghề phi nông nghiệp tăng từ 74,5% (2017) lên 82,6% (2021).

3.1.3. Tạo việc làm cho lao động thanh niên thông qua hoạt động xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động (XKLĐ) là một trong những biện pháp tạo việc làm mang lại nguồn thu nhập cao cho người lao động huyện Yên Phong trong những năm gần đây. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Yên Phong được Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong giao trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý NLĐ trên địa bàn huyện đi XKLĐ. Bảng 2 cho thấy, từ năm 2017 đến năm 2021 đã có 958 LĐTN tham gia XKLĐ theo hình thức hợp đồng XKLĐ với các doanh nghiệp được phép hoạt động dịch vụ XKLĐ. Trong năm 2019, 2020 số người đi XKLĐ có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch Covid 19. Đối tượng tham gia chủ yếu sinh sống ở khu vực nông thôn, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Thị trường XKLĐ tương đối đa dạng, trong đó có thể thấy thị trường XKLĐ sang Đài Loan tương đối ổn định, thị trường Malaysia, Ả rập có xu hướng giảm dần do thực tế mức thu nhập của lao động xuất khẩu ở các nước này không còn hấp dẫn. Nhật Bản, Hàn Quốc là những thị trường XKLĐ mới, mức lương hấp dẫn, môi trường làm việc chuyên nghiệp nên trong những năm gần đây, số lao động sang làm việc tại hai quốc gia này có xu hướng tăng và dự báo đây vẫn là những thị trường XKLĐ tiềm năng trong những năm tiếp theo.

Trong tổng số 42 lao động được điều tra, có 8/42 LĐTN đã từng đi xuất khẩu lao động. Số người lao động đi XKLĐ tại Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc lần lượt là 2/3/3. Sở dĩ người lao động lựa chọn đi XKLĐ tại các quốc gia này là do có mức lương cao hơn, doanh nghiệp sử dụng lao động có chính sách đãi ngộ tốt đối với NLĐ. Những NLĐ này đều phải huy động thêm hỗ trợ tài chính từ người thân, ngân hàng chính sách xã hội để đi XKLĐ.

Bảng 2. Kết quả thống kê lao động thanh niên đi XKLĐ huyện Yên Phong giai đoạn 2017 – 2021

Năm	Tổng số	Thị trường lao động				
		Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan	Malaysia	Ả rập
2017	220	34	41	65	50	30
2018	216	43	32	59	55	27
2019	211	43	35	62	50	21
2020	161	40	42	31	31	17
2021	150	40	42	30	25	13

(Nguồn: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Yên Phong)

3.2. Thuận lợi, khó khăn hạn chế của công tác tạo việc làm cho lao động thanh niên huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

3.2.1. Những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách tạo việc làm cho LĐTN huyện Yên Phong

Từ năm 2017 đến năm 2021, số việc làm mới được tạo ra so với kế hoạch trung bình đạt trên 90% kế hoạch được giao. Trong đó, số người lao động có việc làm trong khu vực doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (trên 50% tổng số LĐTN có việc làm hàng năm), tiếp theo là số người có việc làm thông qua chương trình đào tạo nghề (trên 20%), cuối cùng là số lao động có việc làm thông qua XKLĐ (trên dưới 20%). Điều này dễ hiểu bởi lẽ trong những năm gần đây, huyện Yên Phong đang mạnh mẽ thu hút đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn (Bảng 3).

Bảng 3. Kết quả tạo việc làm cho LĐTN thông qua các hình thức tạo việc làm huyện Yên Phong giai đoạn 2017-2021

Năm	Tổng cộng	Kết quả tạo việc làm					
		Khu vực DN		Đào tạo nghề		XKLĐ	
		%	Người	%	Người	%	Người
2017	3086	54,2	1487	26,1	1116	19,6	216
2018	3001	55,9	1334	24,9	1033	19,2	250
2019	3811	53,2	1700	23,7	1648	23,0	180
2020	3487	53,5	1700	26,1	1330	20,4	200
2021	3310	53,1	1800	28,9	1118	18,0	220
Tổng	16695	53,9	8021	25,9	6245	20,2	1066

(Nguồn: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Yên Phong)

3.2.2. Những thuận lợi

Tạo việc làm cho NLD là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Trong những năm vừa qua, để tạo thêm nhiều việc làm mới cho NLD đặc biệt là LĐTN, chính quyền huyện Yên Phong đã tận dụng lợi thế về vị trí địa lý tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, vị trí kinh tế trong vùng để thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư đặc biệt là đầu tư nước ngoài để xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất. Do đó, hàng ngàn vị trí việc làm mới đã được tạo ra ở khu vực này, giúp NLD có thu nhập đều đặn để ổn định cuộc sống.

Nhờ thực hiện tốt chính sách tuyên truyền NLD tham gia học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp mà từ năm 2017 đến năm 2021, số lượt NLD tham gia học nghề cao, số lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp luôn lớn hơn đào tạo nghề nông nghiệp. Điều này thể hiện sự đúng đắn trong chủ trương của cơ quan quản lý nhà nước, nhận thức của LĐTN phù hợp với xu thế thị trường trong bối cảnh công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn ở huyện Yên Phong hiện nay. Bên cạnh đó, Nhà nước có chính sách hỗ trợ LĐTN sau học nghề được vay vốn để phát triển kinh tế nên đã khuyến khích được NLD yên tâm tham gia học nghề.

3.2.3. Những khó khăn

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện chính sách tạo việc làm cho LĐTN ở huyện Yên Phong thời gian qua gặp phải một số khó khăn cần được tháo gỡ, giải quyết.

Mặc dù pháp luật về lao động của nước ta đã có quy định về việc không phân biệt đối xử với LĐTN nhưng trên thực tế có một số doanh nghiệp chưa thực hiện đúng cam kết tuyển dụng lao động địa phương, tình trạng chỉ tuyển lao động nữ hoặc lao động nam vừa tốt nghiệp bậc trung học phổ thông còn xảy ra phổ biến ở các doanh nghiệp. Nếu không có chính sách sử dụng lao động hợp lý sẽ gây ra tình trạng lãng phí nhân lực và kéo theo đó là các hệ lụy về mất trật tự an ninh, tệ nạn xã hội nảy sinh.

Hệ thống chính sách việc làm còn thiếu các chính sách riêng nhằm đẩy mạnh tạo việc làm cho LĐTN, các nguồn lực hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp còn hạn chế; chất lượng việc làm chưa cao, thiếu tính ổn định, bền vững. Các dự án cho vay, giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, mức cho vay thấp, lãi suất chưa linh hoạt, nhu cầu vay vốn lớn nhưng nguồn vốn chỉ đáp ứng được 30-35% nhu cầu vay vốn của lao động; dự báo thị trường lao động trong ngắn hạn và dài hạn yếu; thông tin về việc làm, nghề nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời...

Nội dung và hình thức của chính sách đào tạo nghề cho LĐTN thời gian qua còn tồn tại nhiều bất cập. Sự kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và giải quyết việc làm chưa chặt chẽ; trang thiết bị, hệ thống máy móc, nhà xưởng phục vụ đào tạo nghề chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy còn thiếu, đặc biệt giáo viên là những người đang làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp do kinh phí giảng dạy thấp. Một số nghề NLD học xong không thể thực hiện trong thực tiễn do NLD thiếu vốn và thị trường.

Hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm của các trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm chưa phát huy được hiệu quả.

3.2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách tạo việc làm cho lao động thanh niên huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách về việc làm, về việc sử dụng lao động tại các địa phương thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng các khu công nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong bối cảnh hội nhập; có chế tài xử phạt nghiêm minh đối với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về phân biệt đối xử, vi phạm quyền bình đẳng giới trong tuyển dụng lao động. Bên cạnh đó, tổ chức tuyên truyền ý thức, tác phong và kỷ luật lao động của NLD trong các khu công nghiệp thông qua các phương tiện truyền thông như đài phát thanh của huyện, tuyên truyền trong các hội chợ việc làm nhằm hạn chế tình trạng vi phạm kỷ luật lao động, bỏ việc, nhảy việc.

Thứ hai, xây dựng các chính sách tạo việc làm đặc thù cho nhóm LĐTN, tăng nguồn vốn vay với lãi suất thấp cho LĐTN phát triển ngành nghề phi nông nghiệp sau học nghề từ Quỹ quốc gia về việc làm, có chính sách quy hoạch vùng, khu vực làng nghề, khắc phục tình trạng sản xuất manh mún không tìm được đầu ra cho sản phẩm.

Thứ ba, đối với hoạt động đào tạo nghề, cần có chính sách điều chỉnh kinh phí giảng dạy đối với đội ngũ giáo viên tham gia dạy nghề để có thể thu hút đội ngũ giáo viên giảng dạy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Ngoài ra, công tác quản lý đào tạo nghề cần được thắt chặt lại thông qua việc tuyển chọn, bố trí cán bộ chuyên trách quản lý, khắc phục tình trạng bố trí kiêm nhiệm nhiều công việc. Tăng cường sự liên kết giữa các cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp. Xã hội hóa công tác dạy nghề, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho LĐTN.

Nâng cao năng lực của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm trong tư vấn, giới thiệu việc làm cho LĐTN và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên; phối hợp hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của các trung tâm với các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các trường cao đẳng, đại học nhằm phát huy tốt hơn nữa vai trò kết nối cung - cầu lao động; chú trọng phát triển các kỹ năng “mềm”, kỹ năng làm việc cho sinh viên; tổ chức thường xuyên phiên giao dịch việc làm lưu động đến các vùng nông thôn, tăng cơ hội tiếp cận thông tin việc làm phù hợp với trình độ và khả năng cho LĐTN.

4. Kết luận

Trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, chính quyền huyện Yên Phong đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách nhằm giải quyết việc làm cho LĐTN. Qua việc nghiên cứu, phân tích thực trạng tạo việc làm cho LĐTN huyện Yên Phong giai đoạn 2017 - 2021, bài viết đã đề xuất một số giải pháp đổi mới hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn; giải pháp đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; giải pháp tạo điều kiện để người dân bị thu hồi đất chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp. Để thực hiện tốt các giải pháp này cần có sự chung tay của các cấp chính quyền và cộng đồng, đặc biệt là ý thức chủ động tự tạo việc làm của LĐTN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Yên Phong District People's Committee, *Report summarizing the socio-economic development situation of Yên Phong district in the period of 2016 - 2020 and orientation for the period of 2021 – 2025*, 2016.
- [2] General Statistics Office, *Press release on labor and employment situation in the fourth quarter of 2021 and Vietnam's human development index 2016-2020*, 2016.
- [3] Vietnam National Assembly, *Law on Youth*, No. 57/2020/QH14, June 16, 2020.
- [4] X. C. Tran and Q. C. Mai, *Textbook of Human Resource Economics*. National Economics University Publishing House, Hanoi, 2008, p. 233.
- [5] Q. D. Nguyen, "Integrated rural development contributing to job creation: Experiences of some countries," *Journal of Political Theory*, no. 11, p. 102, 2020.
- [6] P. H. Le, "Agricultural labor mobility in Vietnam: Some policy implications," *Communist Review*, June 16, 2021. [Online]. Available: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/823349/view_content. [Accessed October 10, 2022].
- [7] T. T. Dinh and V. D. Hoang, "Vocational training for rural workers towards sustainable poverty reduction in rural Vietnam," *Journal Scientific Journal of Tra Vinh University*, vol. 50, no. 1B, pp. 74-84, 2021.
- [8] N. C. Mai, "Evaluation of the effectiveness and impact of policies on vocational training and job creation for ethnic minority workers from renovation to present," State-level project coded CTDT.26.17/16-20, Committee for Ethnic Minority Affairs, 2020.
- [9] V. D. Pham, "Letting farmers "separate their lives from their homeland," *Communist Magazine*, June 4, 2022. [Online]. Available: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/825457/de-nguoi-nong-dan-%E2%80%99Cly-nong-bat-ly-huong%E2%80%99D.aspx>. [Accessed June 4, 2022].
- [10] V. Q. Nguyen, "Vocational training for rural workers in our country today," *Communist Magazine*, November 20, 2013. [Online]. Available: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/24587/dao-tao-nguyen-cho-lao-dong-o-nong-thon-nuoc-ta-hien-nay.aspx>. [Accessed October 10, 2022].
- [11] Vietnam National Assembly, *Labor Code*, Code No. 45/2019/QH14, November 20, 2019.
- [12] People's Committee of Yên Phong district, *Report summarizing vocational training program, creating jobs for workers in Yên Phong district in the period of 2016 - 2020 and orientation for the period of 2021-2025*, 2016.